

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 160/2022/HS-PT  
Ngày: 25/7/2022

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

*Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Vĩnh Hữu.

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Hữu Tính.

Ông Huỳnh Việt Trung.

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thẩm tra viên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Phương Thảo, Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đưa ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 125/2022/TLPT-HS ngày 08 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo Lê Hữu Nhất T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2022/HS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

*Bị cáo kháng cáo:*

Lê Hữu Nhất T, sinh năm 1977; Nơi sinh: tỉnh Tiền Giang;

Nơi cư trú: Khu M, thị trấn N, huyện P, tỉnh Tiền Giang;

Chứng minh nhân dân số XXX do Công an tỉnh Tiền Giang cấp;

Giới tính: Nam. Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm thuê;

Con ông Lê Hữu T và bà Nguyễn Thị Ngọc H;

Bị cáo có 05 anh em, bị cáo là con thứ 03 trong gia đình;

Bị cáo có vợ Lê Thị Cẩm V và 01 người con sinh năm 2013;

Tiền án: không. Tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

\*. *Bị hại:* Trần Đức T, sinh năm 1970; (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố M, phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

\*. *Người đại diện theo ủy quyền:*

Lê Thành Đ, sinh năm 1960; (vắng mặt)

Địa chỉ: số M, phường N, thành phố P, tỉnh Tiền Giang.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Lê Minh H, sinh năm 1967; (vắng mặt)

Địa chỉ: số M, phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

*\*. Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Võ Trọng K - thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt)

Địa chỉ: Số M, phường N, thành phố P, tỉnh Tiền Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2013, do kinh doanh thua lỗ, nợ tiền nhiều người dẫn đến không có khả năng trả nợ, không còn tài sản để thế chấp vay tiền nên Lê Hữu Nhất T nhờ Ngô Quang T, sinh năm 1968, địa chỉ: khu M, thị trấn N, huyện P, tỉnh Tiền Giang, làm giả: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Hữu Nhất T và 01 đơn đề nghị xác nhận tình trạng nhà đất của Ủy ban nhân dân Thị trấn N đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhằm mục đích thế chấp vay tiền trả nợ;

Khi nhờ Ngô Quang T làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, T đưa cho T 01 bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH07844 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 09/6/2011 mang tên bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh 1947, địa chỉ: khu M, thị trấn N, huyện P, tỉnh Tiền Giang, có số thửa 06, tờ bản đồ số 38, diện tích 762,5 m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm, địa chỉ: Khu M, thị trấn N, huyện P, tỉnh Tiền Giang và 12.500.000 đồng để T làm giấy tờ giả cho T;

Khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả số BB892860, số vào sổ cấp GCN: CH 07845 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 09/6/2011 mang tên Lê Hữu Nhất T, có số thửa 48, tờ bản đồ số 38, diện tích 762,50 m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất: Đất ở tại đô thị 300m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 462,5 m<sup>2</sup> và 01 đơn đề nghị xác nhận tình trạng nhà đất của Ủy ban nhân dân Thị trấn N giả, thông qua Lê Minh H, H giới thiệu T làm quen với anh Trần Đức T;

Được sự giới thiệu của H, T vay của anh T số tiền 500.000.000 đồng trong thời hạn 06 tháng, lãi suất 05%/tháng và làm thủ tục thế chấp bằng hình thức lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả số BB892860;

Ngày 05/8/2013, T cùng anh T và H đến Văn phòng công chứng Mỹ Tho, số M, phường N, thành phố P, tỉnh Tiền Giang để làm hợp đồng công chứng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do T đứng tên theo hợp đồng công chứng số 604 ngày 05/8/2013 do công chứng viên Nguyễn Đức T chứng thực. Đồng thời,

T tiến hành ký hợp đồng thuê quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BB892860 với giá 25.000.000 đồng/tháng;

Sau khi giao kết hợp đồng xong, T viết biên nhận tiền theo hợp đồng công chứng số 604 ngày 05/8/2013 giao cho Lê Minh H đến nhà mẹ ruột anh T thuộc tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang để nhận số tiền 500.000.000 đồng từ anh T. Khi giao tiền, anh T trừ tiền lãi tháng đầu tiên là 25.000.000 đồng và giao cho H số tiền 475.000.000 đồng;

Khi nhận được tiền từ anh T, H hẹn gặp Lê Hữu Nhất T tại quán cà phê ở thành phố Mỹ Tho, tại đây T và H thống nhất T còn nợ Lê Minh H số tiền 183.000.000 đồng, gồm tiền nợ và tiền huê hồng 20.000.000 đồng, T trả cho H 183.000.000 đồng, còn lại 292.000.000 đồng H giao lại cho T. Sau khi nhận được tiền, Lê Hữu Nhất T trả cho các chủ nợ mà T đã nợ trước đây với số tiền 192.000.000 đồng và dùng số tiền 100.000.000 đồng còn lại hùn vốn với Lê Minh H mở công ty dịch vụ nhà đất;

Trong quá trình vay, T đã trả cho anh T tổng cộng 180.000.000 đồng tiền lãi, số tiền trả lãi cho anh T là tiền T lấy từ 100.000.000 đồng đã vay trước đó của anh T, sau đó T không còn khả năng trả lãi cho anh T nữa. Đến khoảng tháng 5 năm 2015, sau khi nhiều lần không liên lạc được với T nên anh T đến Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện P lập thủ tục sang tên thì bị phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Hữu Nhất T và 01 đơn đề nghị xác nhận tình trạng nhà đất của Ủy ban nhân dân Thị trấn N là giả;

Sau khi bị phát hiện và khởi tố về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Lê Hữu Nhất T trả cho Trần Đức T nhiều lần tiền, tổng cộng là 85 triệu đồng;

Kết luận giám định số 187/GĐ-PC54 ngày 03/6/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang kết luận:

Mẫu “GIẤY CHỨNG NHẬN – QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT – QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” số BB892860 ghi ngày 09/6/2011 là giả, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

Hình con dấu có nội dung “U.B.N.D HUYỆN CHỢ GẠO TỈNH TIỀN GIANG” trên tài liệu ký hiệu 187/A1 là giả, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

Chữ ký mang tên “Phạm Văn T” trên tài liệu ký hiệu 187/A1 so với chữ ký mang tên “Phạm Văn T” trên tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M7 không phải do cùng một người ký ra.

Hình con dấu có nội dung “U.B.N.D TT.CHỢ GẠO H.CHỢ GẠO T. TIỀN GIANG” trên tài liệu ký hiệu 187/A2 là giả, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

Chữ ký mang tên “Nguyễn Văn H” trên tài liệu ký hiệu 187/A2 so với chữ ký mang tên “Nguyễn Văn H” trên tài liệu mẫu ký hiệu từ M8 đến M13 là không phải do cùng một người ký ra.

Kết luận định giá tài sản số 23/BKLĐGTS ngày 25/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Chợ Gạo kết luận Quyền sử dụng đất thửa đất số 06, tờ bản đồ số 38, diện tích 762,50 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH07844 ngày 09/6/2011 mang tên Nguyễn Thị Ngọc H, tọa lạc tại Khu M, thị trấn N, huyện P, tỉnh Tiền Giang, trị giá 106.750.000 đồng (*Một trăm lẻ sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2022/HS-ST, ngày 15/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đã tuyên bị cáo Lê Hữu Nhất T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”;

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139 và khoản 1 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Áp dụng điểm điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 55, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Lê Hữu Nhất T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 09 (chín) tháng tù về “Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Tổng hợp hình phạt của 02 tội danh trên, bị cáo phải chấp hành hình phạt 08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành bản án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

Ngày 20/4/2022, bị cáo Lê Hữu Nhất T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, bị cáo không phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, xin giảm nhẹ hình về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”;

*Tại phiên tòa phúc thẩm:* Bị cáo Lê Hữu Nhất T thay đổi, bổ sung yêu cầu kháng cáo, bị cáo không phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, xin được hưởng án treo về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”;

Luật sư bào chữa cho bị cáo T đưa ra nhiều luận cứ cho rằng bị cáo không phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, bị cáo chỉ vay tiền, có trả lãi cho bị hại và dùng số tiền trên trả nợ cho các chủ nợ khác, đây là thỏa thuận dân sự nên không cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Đối với H và Ngô Quang T có liên quan đến tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”, có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm. Đề nghị hủy án sơ thẩm;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và bị cáo, bị hại đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Hình Sự. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lê Hữu Nhất T, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*[1] Xét thời hạn kháng cáo; Sự có mặt, vắng mặt của bị cáo, bị hại, thay đổi, bổ sung yêu cầu kháng cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:*

Căn cứ vào đơn kháng cáo ngày 20/4/2022 thì bị cáo kháng cáo trong thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình Sự;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Hình Sự, bị cáo, bị hại có mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, phiên tòa vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo T thay đổi, bổ sung yêu cầu kháng cáo, bị cáo không phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, xin được hưởng án treo về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”, việc thay đổi, bổ sung yêu cầu kháng cáo của bị cáo không vượt quá yêu cầu kháng cáo ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung này của bị cáo.

*[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo về việc bị cáo không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, xin được hưởng án treo về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, Hội đồng xét xử xét thấy:*

[2.1] Về ý thức chủ quan, bị cáo Lê Hữu Nhất T biết rằng dùng các giấy tờ giả nhằm mục đích làm cho người bị hại tin tưởng là thật để người bị hại giao tài sản cho bị cáo T, tại thời điểm giao nhận tiền là 475.000.000 đồng. Bị cáo biết hành vi trên là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội;

Bị cáo T cũng thừa nhận thời điểm trước khi vay nợ của anh T, bị cáo nợ nhiều người, mất khả năng chi trả, không có tài sản nào khác để bán trả nợ. Bị cáo có hỏi vay tiền nhưng anh T yêu cầu phải có tài sản thế chấp thì anh T mới đồng ý cho vay. Sau đó, bị cáo biết Ngô Quang T có thể làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên nhờ anh T làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên bị cáo và 01 đơn đề nghị xác nhận tình trạng nhà đất của Ủy ban nhân dân Thị trấn N giả. Khi có giấy tờ giả, bị cáo đem thế chấp giấy tờ giả này cho bị hại T là dùng thủ đoạn gian dối để tạo lòng tin đối với anh T để anh T tin rằng bị cáo có tài sản mà đồng ý cho bị cáo vay tiền. Bị cáo cố ý thực hiện với mong muốn được vay tiền của anh T. Kết quả, anh T đã đồng ý cho bị cáo vay số tiền 500.000.000 đồng, trừ tiền lãi tháng đầu tiên 25.000.000 đồng còn lại giao bị cáo 475.000.000 đồng;

Bị cáo cho rằng đây là hợp đồng vay tài sản là giao dịch dân sự giữa bị cáo và bị hại, bị cáo chỉ lừa anh T để được vay tiền, sau khi nhận được tiền vay bị cáo có trả lãi hàng tháng cũng như trả vốn cho bị hại chứ không có ý thức chiếm đoạt tài sản (tiền) của bị hại. Lời khai này của bị cáo là không có căn cứ, bởi

vì trong giao dịch dân sự bên có tài sản thế chấp thì bên cho vay mới giao tiền, trong khi đó các giấy tờ bị cáo T giao cho bị hại đều là giả, không phải là tài sản của bị cáo T, bị cáo T đã đưa các thông tin sai lệch để cho người bị hại tin tưởng và giao tiền cho bị cáo; Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo T đã hoàn thành khi bị cáo T nhận được số tiền từ bị hại T;

Việc bị cáo cho rằng sau khi vay tiền bị cáo có đóng lãi đầy đủ và bị cáo có trả vốn cho bị hại sau khi vay tiền càng chứng minh bị cáo không có mục đích chiếm đoạt tài sản của bị hại. Lời khai nại này của bị cáo không có cơ sở để chấp nhận, bởi vì: Hành vi bị cáo T trả lãi hàng tháng cho người bị hại nhằm che giấu hành vi phạm tội của bị cáo, để cho người bị hại không phát hiện hành vi phạm tội của bị cáo. Khi bị cáo T không còn khả năng trả lãi, vốn, phía bị hại tiến hành các thủ tục chuyển quyền sử dụng đất và phát hiện giấy tờ giả, các cơ quan chức năng vào cuộc và khởi tố vụ án, bị cáo mới tiếp tục trả lãi cho bị hại thông qua hình thức trả trực tiếp và chuyển khoản cho bị hại. Việc bị cáo trả vốn cho bị hại là để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra chứ không phải việc bị cáo trả vốn cho bị hại là không có chiếm đoạt tài sản của bị hại;

Bị cáo T cho rằng hiện nay bị hại có đơn xin rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự do bị cáo đã trả lại số tiền đã vay thì bị cáo không phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Như đã phân tích trên, điều này không phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận vì tội danh “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” không phải khởi tố theo yêu cầu của bị hại;

Do đó, hành vi của bị cáo Lê Hữu Nhất T đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 và tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại khoản 1 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[2.2] Tòa án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ điều tra bổ sung đối với hành vi của Lê Minh H để điều tra hành vi của H có cùng mục đích với bị cáo Lê Hữu Nhất T lừa dối anh Trần Đức T để chiếm đoạt tài sản. H biết bị cáo T sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để thế chấp vay tiền của anh T nhưng H cho rằng T có khả năng thanh toán và trả nợ cho anh T nên H mới giới thiệu, và thực tế trong quá trình vay T đã trả cho anh T số tiền lãi 180.000.000 đồng;

Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định: “*Việc H giới thiệu anh T cho T vay tiền còn có điều kiện thỏa thuận giữa T và anh T nên không đủ căn cứ để khởi tố Lê Minh H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là không chính xác. Hiện tại, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Gạo đã tiến hành mời H đến làm việc nhiều lần nhưng H đã bỏ địa phương đi, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Gạo tiến hành xác minh tại nơi cư trú của H ở thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Mỹ Tho nhưng không rõ H đang ở đâu, làm gì nên không thể tiến hành làm rõ vai trò của H đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan,*

tổ chức. Do đó, kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Gạo cần tiếp tục điều tra làm rõ hành vi của Lê Minh H;

[2.3] Đối với hành vi của ông Nguyễn Đức T là người trực tiếp chứng thực hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bị cáo Lê Hữu Nhất T và anh Trần Đức T, hiện tại Văn phòng công chứng Mỹ Tho, ngụ số M, phường N, thành phố P, tỉnh Tiền Giang không còn hoạt động vào năm 2015 nên không xác định được ông T đang ở đâu. Hiện nay, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Gạo chưa thể tiến hành làm việc được với ông T để làm rõ trách nhiệm của ông T khi thực hiện công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên; Do đó, Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Gạo cần tiếp tục điều tra làm rõ hành vi của Nguyễn Đức T;

[2.4] Đối với hành vi của Ngô Quang T, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định trong quá trình điều tra xác định khi T nhờ T làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và giấy xác nhận tình trạng nhà và đất giả, T đã liên hệ nhờ T (không rõ họ tên, địa chỉ) làm, T không trực tiếp làm các giấy tờ giả cho T nên không có căn cứ để khởi tố Ngô Quang T về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”;

Hội đồng xét xử nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành trả hồ sơ điều tra bổ sung về hành vi của Ngô Quang T vì căn cứ vào các bản khai của T, biên bản đối chất giữ T và bị cáo T cho thấy T đóng vai trò tích cực, giúp sức với bị cáo Lê Hữu Nhất T. T đã từng làm giấy tờ giả để T vay tiền, T cũng thừa nhận là T nhờ T làm giấy tờ giả, có nhận tiền từ bị cáo T là 12.500.000 đồng và biết bị cáo T dùng giấy tờ giả để đi vay tiền như T đã thực hiện trước đó;

Vì thế Tòa án cấp sơ thẩm có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với hành vi của Ngô Quang T cho nên cần hủy bản án hình sự sơ thẩm trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo để điều tra lại.

Do Bản án hình sự sơ thẩm bị hủy nên yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lê Hữu Nhất T không xem xét.

[2.5] Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang không phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận;

[2.6] Về án phí: Bị cáo Lê Hữu Nhất T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm;

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 355 và Điều 358 Bộ luật Tố tụng Hình Sự;

Xử: 1. Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2022/HS-ST, ngày 15/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo để điều tra lại.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình Sự; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**\*. Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Tiền Giang;
- THAHS CA tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Chợ Gạo;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Công an huyện Chợ Gạo;
- CCTHADS huyện Chợ Gạo;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, AV;